

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
ngày 29 - 11 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/ QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T sinh ngày 01 tháng 11 năm 1995 tại huyện N, tỉnh N1. Nơi cư trú: Thôn 06, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Phạm Văn P và bà Lê Thị N, đều đã chết. Vợ Nguyễn Thị T3 và có 03 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2010). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2022 đến ngày 30/10/2022.

2. Phan Như T1 sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 tại huyện M, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Thôn 07, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/12/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 30/4/2010 chấp hành xong hình phạt tù, đương nhiên đã được xóa án tích. Con ông Phan Như B và bà Đậu Thị N. Vợ Trần Thị Thanh T4 và có 01 con sinh năm 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2022 đến ngày 30/10/2022.

3. Trần Huy B sinh ngày 25 tháng 6 năm 1987 tại huyện N, tỉnh N1. Nơi cư trú: Thôn 06, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn:

6/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, đương nhiên đã được xóa án tích. Con ông Trần Văn C - đã chết và bà Phan Thị K. Vợ Hoàng Thị H4 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2022 đến ngày 30/10/2022.

4. Nguyễn Văn H (Hung) sinh ngày 10 tháng 7 năm 1988 tại xã C, huyện E, tỉnh Đ. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 12, xã C1, huyện E, tỉnh Đ. Chỗ ở (tạm trú): Thôn 02, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc. Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn N2 và bà Lê Thị H2. Vợ Nguyễn Thị T4 và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2022 đến ngày 30/10/2022.

5. Nguyễn Xuân T2 sinh ngày 08 tháng 7 năm 1983 tại huyện N, tỉnh Na. Nơi cư trú: Thôn 07, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Dân tộc. Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Xuân H2 và bà Phạm Thị L. Vợ Lô Thị D - đã ly hôn, và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017).

Các bị cáo hiện đang tại ngoại, đều có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân H2 sinh năm 1952 bà Phạm Thị L sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn 07, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông H2 có mặt tại phiên tòa, bà L vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Ông Đào Xuân H3 sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn 06, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông H3 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 26/10/2022, Trần Huy B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H uống nước tại quán tạp hóa của Nguyễn Xuân T2 ở thôn 7, xã E. T rủ H và B đánh bài phỏm ăn tiền. T xin T2 cho mượn phòng khách để làm nơi đánh bài, T2 đồng ý. T gọi điện thoại cho Phan Như T1 đến để đánh bài. H lấy chiếc chiếu cói và chăn của nhà T2 trải ra phòng khách. T lấy 02 bộ bài tú lơ khơ và 06 chai nước giải khát ở quán của T2 mang vào phòng khách. Khoảng 15 phút sau T1 đến, cùng B, H và T ngồi lên chiếu đánh bài phỏm. Tỷ lệ ăn thua, người ít điểm nhất ăn cả, người ít điểm thứ nhì thua 10.000đồng, người thứ ba thua 20.000đồng, người nhiều điểm

nhất thua 30.000đồng, ai cháy (không có phỏm) thua 40.000 đồng, ai ù (ba phỏm) thì mỗi người phải chịu 50.000đồng, ù tròn (ù 10 cây) mỗi người phải chịu 100.000đồng, ai bị ăn 01 cây phải chịu 10.000đồng, ăn cây thứ 02 phải chịu 20.000đồng, cây chót hạ (cây cuối) thì phải chịu 20.000đồng, nếu bị ăn 03 cây thì phải chịu chung cho cả 03 người còn lại mỗi người 50.000đồng và số tiền ăn của từng cây tương ứng, nếu ù tròn thì tăng gấp đôi là 100.000đồng. Nếu ai ù thì phải trích ra 10.000đồng để xâu đưa cho chủ nhà, nếu ù tròn thì xâu 20.000đồng.

Đến khoảng 0 giờ ngày 27/10/2022, cả nhóm không đánh bài phỏm mà chuyển sang đánh bài cào 03 cây. Tỷ lệ ăn thua mỗi người đặt ban đầu số tiền 50.000đồng, sau đó ai muốn cược thêm bao nhiêu thì bỏ thêm tiền vào nhưng không vượt quá 400.000đồng, ai thắng liên tục hoặc có “03 Tây” hoặc “03 Sáp” thì phải trích tiền xâu từ 10.000đồng đến 50.000đồng cho chủ nhà.

Quá trình đánh bài các đối tượng đã trích được 200.000đồng tiền xâu và đưa 02 lần cho T2. Đến 01 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an bắt quả tang các đối tượng đang đánh bài, thu giữ: Trên chiếu bạc 13.450.000đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ loại 52 cây; 01 chiếu chiếu cói, 01 chiếc chăn vải màu xanh đã cũ; Trên người T1 70.000đồng; Trên người B 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs max màu đen và 01 điện thoại hiệu NOKIA 1280; Trên người T 9.000.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen; Trên người H 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno2F màu xanh; T2 tự nguyện giao nộp 200.000đồng tiền xâu.

Quá trình điều tra xác định: H sử dụng 2.800.000đồng, B sử dụng 3.300.000đồng, T sử dụng 3.300.000 đồng, T1 sử dụng 4.050.000đồng để tham gia đánh bạc.

* Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 24/QĐ -VKS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phan Như T1, Trần Huy B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H2 trình bày: ông H2 và bà Phạm Thị L là bố mẹ của bị cáo T2. Ngôi nhà mà T2 cho các bị cáo làm địa điểm đánh phỏm là của vợ chồng ông H2 bà L cho vợ chồng T2 mượn từ năm 2011 để ở (vợ chồng T2 đã ly hôn), ông H2 và bà L không biết việc bị cáo T2 cho các bị cáo đánh phỏm tại nhà của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phan Như T1, Trần Huy B, Nguyễn Văn

H và Nguyễn Xuân T2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

+ Về hình phạt chính: Phạt bị cáo Phan Như T1 và Trần Huy B mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của các bị cáo để sung quỹ nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Huy B và bị cáo Phan Như T1, mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS: Phạt các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân T2, mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS):

+ Trả lại cho: Phan Như T1 70.000đồng; Phạm Văn T 9.000.000đồng.

+ Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrắk đã trả cho: Bị cáo Trần Huy B 01 điện thoại di động Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280; Bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động OPPO Reno 2F.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 13.650.000đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc 13.450.000đồng; 200.000đồng bị cáo Nguyễn Xuân T2 tự nguyện giao nộp);

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động OPPO A53 màu đen của bị cáo Phạm Văn T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA của bị cáo Phan Như T1;

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói và 01 cái chăn.

* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Các bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố các bị cáo theo thủ tục rút gọn là có cơ sở.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: vì mục đích tư lợi, khoảng 21 giờ ngày 26/10/2022, tại nhà của gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T2 ở thôn 7, xã E. Được sự đồng ý của bị cáo T2, bị cáo Phạm Văn T rủ các bị cáo Phan Như T1, Trần Huy B và Nguyễn Văn H chơi phỏm, sau đó đánh bài cào được thua bằng tiền, để bị cáo T2 thu tiền xâu. Số tiền mà lực lượng Công an thu giữ vào lúc 01 giờ 30 phút cùng ngày 27/10/2022 là 13.450.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đánh bạc trái phép, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, nên cần phải xử lý theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời có tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Vụ án mang tính giản đơn, tự phát phạm tội. HĐXX, xem xét tính chất, mức độ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo đã gây ra.

Bị cáo T là người rủ các bị cáo phạm tội, nên áp dụng hình phạt đối với bị cáo T nghiêm khắc hơn các bị cáo. Bị cáo T1 và bị cáo B đã từng bị kết án, tuy đã được xóa án tích, do bị cáo T1 dùng số tiền lớn nhất để đánh bạc, nên cần áp dụng hình phạt cao hơn bị cáo B và các bị cáo còn lại. HĐXX cần áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo T, B và T1. Bị cáo H dùng số tiền ít nhất để đánh bạc, nên áp dụng hình phạt thấp hơn bị cáo

B. Bị cáo T2 phạm tội với vai trò giúp sức (cho mượn địa điểm, thu tiền xâu, nhưng thu số tiền không nhiều), nên áp dụng hình phạt nhẹ nhất là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T, H và T2 là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo phạm tội với số tiền không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian. HĐXX áp dụng Điều 36 BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

Theo biên bản xác minh và tại phiên tòa bị cáo T khai có mức thu nhập bình quân là 7.000.000đồng/tháng, bị cáo B và bị cáo T1 có mức thu nhập bình quân là 6.000.000đồng/tháng. Nên khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo T là 350.000đồng, của bị cáo B là 300.000đồng, bị cáo T1 là 300.000đồng để sung quỹ nhà nước.

Bị cáo H và bị cáo T2 thuộc diện hộ nghèo, bị cáo T2 là lao động duy nhất trong gia đình (bị cáo đã ly hôn). Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo H và bị cáo T2.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 13.450.000đồng và 200.000đồng các bị cáo đã đưa tiền xâu cho bị cáo T2, bị cáo T2 tự nguyện giao nộp cho cơ quan Điều tra. Tổng cộng là 13.650.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 01 cái chăn là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Nên cần tịch thu tiêu hủy.

Công an thu giữ 01 chiếc điện thoại di động OPPO A53 và 9.000.000đồng của bị cáo Phạm Văn T, 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA và 70.000đồng của bị cáo Phan Như T1. Điện thoại là phương tiện các bị cáo đã dùng liên lạc với nhau để phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền 9.000.000đồng của bị cáo T và 70.000đồng của bị cáo T1 không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo T và bị cáo T1.

Công an thu giữ trên người: Bị cáo Trần Huy B 01 điện thoại di động Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280; Bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động OPPO Reno 2F. Đây là các tài sản, các bị cáo không sử dụng

vào việc phạm tội. Nên, cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bị cáo B 02 chiếc điện thoại và bị cáo H 01 chiếc điện thoại là đúng pháp luật.

Địa điểm đánh bạc là tài sản chung thuộc quyền hữu hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H2 bà Phạm Thị L (bố mẹ của bị cáo T2). Ông H2 bà L không biết việc bị cáo T2 cho các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên không xem xét xử lý.

[5] Về án phí: các bị cáo bị kết án, các bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phan Như T1, Trần Huy B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

-Về hình phạt chính:

+ Phạt bị cáo Phạm Văn T 21 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C được giao giám sát, giáo dục bị cáo T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 350.000đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Văn T 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

- Về hình phạt chính:

+ Phạt bị cáo Phan Như T1 20 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo T1 còn phải chấp hành 19 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E được giao giám sát, giáo dục bị cáo T1 nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

+ Phạt bị cáo Trần Huy B 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo B còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C được giao giám sát, giáo dục bị cáo B nhận được quyết định thi hành án và bản

sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo B trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Huy B và bị cáo Phan Như T1, mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

+ Phạt bị cáo Nguyễn Văn H15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo H còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C được giao giám sát, giáo dục bị cáo H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Phạt bị cáo Nguyễn Xuân T2 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E được giao giám sát, giáo dục bị cáo T2 nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Như T1 và bị cáo Nguyễn Xuân T2 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục các bị cáo. Giao các bị cáo Phạm Văn T1, Trần Huy B và bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 13.650.000đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc 13.450.000đồng; 200.000đồng bị cáo Nguyễn Xuân T2 tự nguyện giao nộp); Trả lại cho bị cáo Phan Như T1 70.000đồng (Bảy mươi ngàn đồng) và trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 9.000.000đồng (Chín triệu đồng). Theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002494 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động OPPO A53 của bị cáo Phạm Văn T, 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA của bị cáo Phan Như T1; Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói và 01 cái chăn. Số lượng, đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk ngày 22/11/2022.

- Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả cho: Bị cáo Trần Huy B 01 điện thoại di động Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280; Bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động OPPO Reno 2F.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Phạm Văn T, Phan Như T1, Trần Huy B, Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

4. Báo quyền kháng cáo

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA (Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- UBND xã EaRiêng, xã CưKróa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương